

PHẦN I: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

A1: Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết

Bài 1: Tìm từ ngữ nói về:

- Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại.
- Thể hiện tính cách hay việc làm trái với lòng nhân hậu, yêu thương.
- Thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại.
- Thể hiện tính cách hay việc làm trái với đùm bọc, giúp đỡ.

Bài 2: Cho các từ sau: "nhân dân, nhân hậu, nhân ái, nhân tài, công nhân, nhân đức, nhân từ, nhân loại, nhân nghĩa, nhân quyền". Hãy xếp:

- Từ có tiếng "nhân" có nghĩa là người.
- Từ có tiếng "nhân" có nghĩa là lòng thương người.

Bài 3: Đặt câu với 1 từ ở nhóm a, 1 từ ở nhóm b nói trên.

Bài 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu có dùng sai từ có tiếng "nhân":

- Thời đại nào nước ta cũng có nhiều nhân tài.
- Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù.
- Bà tôi là người nhân hậu, thấy ai gặp khó khăn, bà thường hết lòng giúp đỡ.
- Cô giáo lớp tôi rất nhân tài.

Bài 5: Viết 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) vào chỗ trống:

- Nói về tình đoàn kết
- Nói về lòng nhân hậu.
- Trái với lòng nhân hậu.

Bài 6: Các câu dưới đây khuyên ta điều gì, chê điều gì?

- Ở hiền gặp lành.
- Trâu buộc ghét trâu ăn.
- Một cây làm chẳng nên non.
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Bài 7: Tìm 5 thành ngữ, tục ngữ nói về đạo đức và lối sống lành mạnh, tốt đẹp của con người Việt Nam. Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm.

Bài 8: Em hiểu nghĩa của các thành ngữ dưới đây như thế nào?

- Môi hở răng lạnh.
- Máu chảy ruột mềm.
- Nhường cơm sẻ áo.
- Lá lành đùm lá rách.

Giải nghĩa câu tục ngữ: "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ".

B1: Từ đơn và từ phức

Bài 1: Tìm 1 từ đơn và 1 từ phức nói về lòng nhân hậu. Đặt câu với mỗi từ vừa tìm.

Bài 2: Tìm từ đơn, từ phức trong câu văn:

- Một người ăn xin già lợm khộm đứng ngay trước mặt tôi.
- Đôi mắt ông lão đỏ đơ và giàn giụa nước mắt.

Bài 3: a. Tìm từ đơn, từ phức trong các câu thơ sau:

"Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn truyen cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình".

- Em hiểu như thế nào về nội dung 2 dòng thơ cuối.

Bài 4: Tìm 5 từ phức có tiếng "anh", 5 từ phức có tiếng "hùng" theo nghĩa của từng tiếng trong từ "anh hùng".

B2: Từ ghép và từ láy

Bài 1: Hãy xếp các từ phức sau thành hai loại: Từ ghép và từ láy: sừng sững, chung quanh, lưng còng, hung dữ, mọc mọc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí.

Bài 2: a. Những từ nào là từ láy

Ngay ngắn	Ngay thẳng	Ngay đơ
Thẳng thắn	Thẳng tuột	Thẳng tắp

- Những từ nào không phải từ ghép?

Chân thành	Chân thật	Chân tình
Thật thà	Thật sự	Thật tình

Bài 3: Từ láy "xanh xao" dùng để tả màu sắc của đối tượng:

- da người
- lá cây còn non
- lá cây đã già
- trời.

Bài 4: Xếp các từ: châm chọc, chặm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn vào 2 cột: từ ghép và từ láy.

Bài 5: a. Tạo 2 từ ghép có nghĩa phân loại, 2 từ ghép có nghĩa tổng hợp, 1 từ láy từ mỗi tiếng sau: nhỏ, sáng, lạnh.

b. Tạo 1 từ ghép, 1 từ láy chỉ màu sắc từ mỗi tiếng sau: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

Bài 6: Cho các từ: mãi miết, xa xôi, xa lạ, phẳng lặng, phẳng phiu, mong ngóng, mong mỏi, mơ mộng.

- Xếp những từ trên thành 2 nhóm: từ ghép, từ láy.
- Cho biết tên gọi của kiểu từ ghép và từ láy ở mỗi nhóm trên.

Bài 7: Cho đoạn văn sau:

"Đêm về khuya lặng gió. Sương phủ trắng mặt sông. Những bầy cá nhao lên đớp sương "tom tốp", lúc đầu còn loáng thoáng dần dần tiếng tũng toẵng xôn xao quanh mạn thuyền".

a. Tìm những từ láy có trong đoạn văn.

b. Phân loại các từ láy tìm được theo các kiểu từ láy đã học.

Bài 8: Xác định rõ 2 kiểu từ ghép đã học (từ ghép có nghĩa phân loại, từ ghép có nghĩa tổng hợp) trong các từ ghép sau: nóng bỏng, nóng ran, nóng nực, nóng giãy, lạnh buốt, lạnh ngắt, lạnh giá.

Bài 9: Tìm các từ láy có 2, 3, 4 tiếng

Bài 10: Em hãy ghép 5 tiếng sau thành 9 từ ghép thích hợp: thích, quý, yêu, thương, mến.

Bài 11: Xác định từ láy trong các dòng thơ sau và cho biết chúng thuộc vào loại từ láy nào:

Gió nâng tiếng hát chói chang
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời
Tay nhè nh? chút, người ơi
Trông đôi hạt rụng hạt rơi xót lòng.

Mảnh sân trắng lúa chát đầy
Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình

Nắng già hạt gạo thơm ngon
Bụng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.

Bài 12: Tìm từ đơn, từ láy, từ ghép trong các câu:

a. Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới... Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót.

b. Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

c. Ngoài đường, tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.

d. Hằng năm, vào mùa xuân, tiết trời âm áp, đồng bào Ê đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi.

e. Suối chảy róc rách.

Bài 13: Tìm từ láy trong đoạn văn sau:

Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

Tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi.

Bài 14: Tìm những tiếng có thể kết hợp với "lễ" để tạo thành từ ghép. Tìm từ cùng nghĩa và từ trái nghĩa với từ "lễ phép".

Bài 15: Cho 1 số từ sau: thật thà, bạn bè, hư hỏng, san sẻ, bạn học, chăm chỉ, gấn bó, bạn đường, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn đọc, khó khăn.

Hãy xếp các từ trên vào 3 nhóm:

- Từ ghép tổng hợp.
- Từ ghép phân loại.
- Từ láy.

Bài 16: Trong bài: "Tre Việt Nam" nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

"Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người".

Trong đoạn thơ trên, tác giả ca ngợi những phẩm chất nào của tre?

Tác giả đã dùng cách nói gì để ca ngợi những phẩm chất đó.

Bài 17: Phân các từ ghép sau thành 2 loại:

Học tập, học đòi, học hỏi, học vẹt, học gạo, học lỏm, học hành, anh cả, anh em, anh trai, anh rể, bạn học, bạn đọc, bạn đường.

A2: Mở rộng vốn từ: Trung thực - Tự trọng

Bài 1: a. Những từ nào cùng nghĩa với "trung thực"

ngay thẳng	binh tĩnh	thật thà	chân thành
thành thực	tự tin	chân thực	nhân đức

b. Những từ nào trái nghĩa với "trung thực"

độc ác	gian dối	lừa đảo	thô bạo
tò mò	nóng nảy	dối trá	xảo quyết

Bài 2: Những câu nào dùng đúng từ cùng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ "trung thực":

- Kì kiểm tra cuối năm, Nam đã gian dối trong khi làm bài.
- Tính tình của bạn tôi rất ngay thẳng.
- Hoa đã chân thành nhận khuyết điểm trước lớp.
- Bọn giặc rất xảo quyết, chúng vờ như ta ở phía trước, vừa chuẩn bị đánh úp quân ta sau lưng.
- Chúng tôi xin thật thà cảm ơn quý khán giả.

Bài 3: Tìm các từ ghép và từ láy về tính trung thực của con người có chứa các tiếng sau đây:

- Ngay
 - Thẳng
 - Thật
- Đặt câu với mỗi từ vừa tìm được.

Bài 4: Trong số các thành ngữ dưới đây, thành ngữ nào nói về tính "trung thực" thành ngữ nào nói về tính "tự trọng"

- | | |
|--------------------------------|--------------------------------|
| a. Thẳng như ruột ngựa | g. Ăn ngay ở thẳng |
| b. Thật thà là cha quý quái | h. Khom lưng uốn gối |
| c. Cây ngay không sợ chết đứng | i. Vào luồn ra cúi |
| d. Giấy rách phải giữ lấy lề | h. Thuốc đắng dã tật |
| | e. Đói cho sạch rách cho thơm. |

Bài 5: a. Tìm 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) nói về tính trung thực
Tìm 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) nói về lòng tự trọng.

b. Đặt 1 câu trong đó có thành ngữ hoặc tục ngữ vừa tìm được.

Bài 6: Trong bài: "Việt Nam thân yêu" nhà thơ Nguyễn Đình Thi có viết:

"Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều".

Đọc đoạn thơ trên, em cảm nhận được những điều gì về đất nước Việt Nam.

B3: Danh từ

Bài 1: Xác định danh từ trong đoạn văn sau:

Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh.

Bài 2: Tìm các danh từ có trong đoạn thơ sau:

- a. Quê hương là cánh diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.
- b. Bà đắp thành lập trại
Chông áp bức cường quyền
Nghe lời bà kêu gọi
Cả nước ta vùng lên.

Bài 3: Xác định các danh từ trong đoạn văn sau:

"Bản lòng đã thức giấc. Đó đây ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm tiếng gọi nhau í ới".

Bài 4: Tìm danh từ có trong câu văn sau:

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

Bài 5: Xác định từ loại của các từ: "niềm vui, nỗi buồn, cái đẹp, sự đau khổ" và tìm thêm các từ tương tự.

Bài 6: Tìm từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động và chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ sau:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

A3: Mở rộng vốn từ: Ước mơ

Bài 1: Những từ nào cùng nghĩa với từ "Ước mơ"

- | | | |
|-------------|---------------|------------|
| a. mong ước | d. mơ | h. ước ao |
| b. mơ ước | e. ước nguyện | i. mơ màng |
| c. mơ tưởng | g. mơ mộng | |

Bài 2: Những ước mơ nào giúp ích cho con người

- | | |
|----------------------|---------------------|
| a. Mơ ước cao đẹp | e. Mơ ước cao cả |
| b. Mơ ước hảo huyền | g. Mơ ước bệnh hoạn |
| c. Mơ ước viên vông | h. Mơ ước quái đản |
| d. Mơ ước chính đáng | i. Mơ ước lành mạnh |

Bài 3: Giải nghĩa các thành ngữ:

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| a. Được voi đòi tiên | d. Ước của trái mùa |
| b. Cầu được ước thấy | e. Đứng núi này trông núi nọ |
| c. Ước sao được vậy | h. Nằm mơ giữa ban ngày. |
- Đặt câu với mỗi thành ngữ trên.

Bài 4:

"Quê hương là cánh diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông".

Đọc đoạn thơ trên em thấy được những ý nghĩa và tình cảm của nhà thơ đối với quê hương như thế nào?

B4: Động từ

Bài 1: Gạch dưới động từ trong mỗi cụm từ sau:

- | | | |
|-------------|----------------|----------------|
| a. trông em | d. quét nhà | h. xem truyện |
| b. tưới rau | e. học bài | i. gấp quần áo |
| c. nấu cơm | g. làm bài tập | |

Bài 2: Tìm danh từ, động từ trong các câu văn:

- Vàng trắng tròn quá, ánh trắng trong xanh toả khắp khu rừng.
 - Gió bắt đầu thổi mạnh, lá cây rơi nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.
 - Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vàng vạc.
-

Bài 3: Xác định từ loại trong các từ của các câu:

- a. Nước chảy đá mòn.
- b. Dân giàu, nước mạnh.

Bài 4: Xác định từ loại:

Nhìn xa trông rộng
Nước chảy bèo trôi
Phận hẩm duyên ôi
Vụng chèo khéo chống
Gạn đục khơi trong
Ăn vóc học hay.

Bài 5: Xác định từ loại:

- a. Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.
- b. Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió gập đầu gọi trăng.

Bài 6: Tìm danh từ, động từ trong các câu sau:

Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô.

Bài 7: Viết đoạn văn (5 - 7 câu) kể về những việc em làm vào một buổi trong ngày. Gạch dưới các động từ em đã dùng.

A4: Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực

Bài 1: Tìm các từ:

- a. Nói lên ý chí, nghị lực của con người.
- b. Nêu những hiện tượng trái với ý chí, nghị lực.
- c. Nêu lên những thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người.

Bài 2: Xếp các từ tìm được thành 3 loại: danh từ, động từ, tính từ.

Bài 3: Viết 3 - 5 từ phức mở đầu bằng tiếng "quyết" nói về ý chí của con người

Bài 4: Viết (5 - 6) từ có nghĩa trái ngược với ý chí và nghị lực.

Bài 5: Những câu tục ngữ nào nói về ý chí, nghị lực?

- a. Một câu nhện, chín câu lành
- b. Lửa thử vàng, gian nan thử sức.
- c. Của rề rề không bằng nghề trong tay
- d. Nước lũ mà vã nên hồ
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan
- e. Có vất vả mới thanh nhàn.

Không dung ai dễ cầm tàn che cho.

g. Chớ thấy sóng cả mà lo

Sóng cả mặc sóng chèo cho có chùng.

Bài 6: Hãy viết một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nói về người có ý chí, nghị lực nên đã vượt qua thử thách đạt được thành công (có sử dụng từ đã học).

B5: Tính từ

Bài 1: Viết các tính từ sau vào từng cột cho phù hợp: xanh biếc, chắc chắn, tròn xoe, lỏng lẻo, mềm nhũn, xám xịt, vàng hoe, đen kịt, cao lớn, mệnh môn, trong suốt, chót vót, tí xiu, kiên cường, thật thà.

A	B	C
Tính từ chỉ màu sắc	Tính từ chỉ hình dáng	Tính từ chỉ tính chất phẩm chất

Bài 2B: Viết tính từ miêu tả sự vật ghi ở cột trái vào mỗi cột phải:

Từ chỉ sự vật	Tính từ chỉ màu sắc của sự vật	Tính từ chỉ hình dáng của sự vật
Cái bút		
Cái mũ		

Bài 3: Gạch dưới những tính từ dùng để chỉ tính chất của sự vật trong đoạn văn:

"Từ trên trời nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm. Những ô ruộng, những gò đồng, bãi bờ với những mảng màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gọi những bức tranh giàu màu sắc".

Bài 4: Đánh dấu x vào chỗ trống nêu cách thể hiện mức độ tính chất đặc điểm của mỗi tính từ ở cột trái

Tính từ	Thêm tiếng để tạo ra các TG hoặc TL	Thêm các từ chỉ mức độ (rất, lắm vào trước hoặc sau)	Dùng cách so sánh
hơi <u>nhanh</u>		x	
<u>vội</u> quá			
<u>đỏ</u> cò			
<u>tím</u> biếc			
<u>mềm</u> vật			
<u>xanh</u> lá cây			
<u>chậm</u> chậm			

khá xinh			
thăng tấp			

Chọn 1 từ ở cột trái để đặt câu:

Bài 5: Tìm tính từ trong khổ thơ sau:

"Việt Nam đẹp khắp trăm miền
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này
Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây
Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang.
Sum sê xoài biếc, cam vàng
Dừa nghiêng, cau thẳng, hàng hàng nắng soi"

Bài 6: Hãy tìm 5 từ ghép, 5 từ láy nói về tình cảm, phẩm chất của con người.
Đặt 1 câu với một trong số những từ vừa tìm được.

Bài 7: a. Hãy chỉ ra tính từ (nếu có) trong câu sau:

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

b. Đặt 1 câu trong đó có chủ ngữ là một tính từ.

Bài 8: Hãy tìm 2 từ ghép và 2 từ láy nói về những đức tính của người học sinh giỏi.

Bài 9: a. Tìm 2 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ "chăm chỉ".
Đặt câu với từ vừa tìm.

b. Tìm 2 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ "dũng cảm".

Bài 10: Xác định danh từ, động từ, tính từ trong 2 câu thơ của Bác Hồ:

"Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót, chim kêu suốt cả ngày".

Bài 11:

"Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời"

Theo em, hình ảnh nào góp phần nhiều nhất làm nên cái hay của đoạn thơ. Vì sao?

Ôn tập

Bài 1: a. Điền thêm tiếng (vào chỗ trống) sau mỗi tiếng dưới đây để tạo ra 2 từ ghép có nghĩa phân loại và 2 từ ghép có nghĩa tổng hợp.

làng.....; ăn.....; vui

b. Giải nghĩa câu tục ngữ: "Đói cho sạch, rách cho thơm".